BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHƯƠNG ĐÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2026

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành: Kiến trúc

Khoá học: 2026-2031

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 901/QĐ-ĐHPĐ-ĐT ngày 10 tháng 8 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phương Đông)

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên chương trình đào tạo (CTĐT)	
Kiến trúc công trình	
Đơn vị cấp bằng	**Đơn vị giảng dạy**
Trường Đại học Phương Đông	Trường Đại học Phương Đông
Khoa quản lý	
Kiến trúc – Công trình	
Trang thông tin điện tử của khoa	
https://www.phuongdong.edu.vn/khoa-kien-truc-cong-trinh	
Tên văn bằng	
Kiến trúc sư	
Mã ngành đào tạo	
7580101	
Điều kiện tuyển sinh	
Chuyên ngành Kiến trúc Công trình tuyển sinh theo các phương thức sau: - Phương thức 1: xét tuyển theo kết quả Kỳ thi trung học phổ thông Quốc gia; - Phương thức 2: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập bậc THPT (học bạ); - Các phương thức khác theo quy định tuyển sinh được Nhà trường công bố hằng năm;	

Thời gian và hình thức đào tạo

Chương trình	Thời gian đào tạo	Hình thức đào tạo	Thời gian bắt đầu áp dụng	Phương thức đào tạo

Kiến trúc sư Kiến trúc – Chuyên ngành: Kiến trúc công trình	4,5 năm	Chính quy tập trung	Tháng 9/2026	Lên lớp trực tiếp tại các cơ sở; học trực tuyến; kiến tập, thức tập thực tế
Ngôn ngữ giảng dạy chính				
Tiếng Việt				
Ngôn ngữ dùng để đánh giá				
Tiếng Việt				

2. Đội ngũ giảng viên và chuyên viên/nhân viên cơ hữu

TT	Học hàm - Học vị	Số lượng				Ghi chú
		Giảng viên cơ hữu	Cán bộ quản lý	Chuyên viên/nhân viên	Tổng cộng	
1	Giáo sư	01			01	
2	Phó Giáo sư	01			01	
3	Tiến sĩ	04	02		06	
4	Thạc sĩ	03		02	05	
5	Cử nhân			01	01	
TỔNG CỘNG		09	02	03	14	

3. Vị trí công tác sau khi tốt nghiệp

- Thiết kế & Tư vấn: Kiến trúc sư tại các công ty thiết kế kiến trúc - nội thất, tư vấn xây dựng, nhà phát triển bất động sản và chủ đầu tư trong/ngoài nước.
- Quản lý dự án & Kỹ thuật: Chuyên viên phát triển dự án, quản lý thiết kế, quản lý kỹ thuật trong các tập đoàn và doanh nghiệp bất động sản.
- Cơ quan nhà nước & Viện nghiên cứu: Cán bộ, chuyên viên tại Sở Xây dựng, Sở Quy hoạch – Kiến trúc, Ban quản lý dự án, viện nghiên cứu chuyên ngành.
- Khởi nghiệp & Kinh doanh: Chủ doanh nghiệp tư vấn, đầu tư, kinh doanh vật liệu và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực kiến trúc - nội thất.
- Đào tạo & Nghiên cứu: Giảng viên, nghiên cứu viên tại các cơ sở đào tạo sau đại học và học viện chuyên ngành.

4. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

4a. Triết lý giáo dục và chiến lược dạy - học của ngành đào tạo
Triết lý giáo dục của Trường Đại học Phương Đông là sự tích hợp hài hòa giữa hệ giá trị phương Đông và phương pháp khoa học phương Tây (East Values - West Methods), nhằm nuôi dưỡng những con người có tinh thần nhân văn, tư duy độc lập, năng lực học tập suốt đời, khả năng thích ứng và ý thức trách nhiệm xã hội.

- ***Giá trị phương Đông*** được xem là nền tảng hình thành nhân cách người học, bao gồm tinh thần nhân văn, đạo đức, sự tôn trọng tri thức, ý thức cộng đồng và sự bền bỉ trong học tập. Đây là yếu tố tạo nên chiều sâu văn hóa và bản sắc của Nhà trường.

- ***Phương pháp khoa học phương Tây*** là cách tiếp cận giáo dục hiện đại mà Nhà trường vận dụng, bao gồm tư duy phản biện, học tập qua trải nghiệm, tiếp cận liên ngành, phương pháp giảng dạy lấy người học làm trung tâm và môi trường học thuật cởi mở.

Sự kết hợp giữa hai yếu tố này nhằm hướng tới mục tiêu đào tạo những con người phát triển toàn diện, vừa có nền tảng đạo đức vững chắc, vừa có năng lực tư duy và sáng tạo, có khả năng thích ứng với bối cảnh toàn cầu hóa và đóng góp tích cực cho xã hội.

4b. Mục tiêu của CTĐT

Chương trình đào tạo Kiến trúc sư chuyên ngành Kiến trúc Công trình được xây dựng theo định hướng thực hành (course work), với nội dung chương trình hiện đại, linh hoạt; Người học được trang bị hệ thống kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm và phát triển nghề nghiệp; được rèn luyện phẩm chất chính trị, sức khoẻ, đạo đức tốt và trách nhiệm xã hội để đáp ứng yêu cầu công việc trong lĩnh vực Kiến trúc và các lĩnh vực có liên quan.

Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp với sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục của Nhà trường; đồng thời đáp ứng yêu cầu của Luật Giáo dục đại học và Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

4c. Chuẩn đầu ra của CTĐT

Kiến thức:	
PLO 1	Kiến thức chung và nền tảng: Vận dụng kiến thức Toán học, Khoa học cơ bản, Khoa học chính trị, Pháp luật, Công nghệ số để phát triển kiến thức về ngành Kiến trúc
PLO 2	Kiến thức cơ sở ngành: Vận dụng được các kiến thức cơ sở ngành chuẩn bị nền tàng cho phát triển kiến thức chuyên ngành và các đồ án kiến trúc chuyên sâu, đặc thù.
PLO 3	Kiến thức chuyên ngành: Vận dụng được các kiến thức chuyên sâu về thiết kế kiến trúc công trình và các lĩnh vực gần để thực hành nghề nghiệp, giải quyết các tình huống chuyên môn thực tiễn.
Kỹ năng:	
PLO4	Kỹ năng nghề nghiệp: Thực hiện được các kỹ năng chuyên môn vào giải quyết các nhiệm vụ thiết kế thực tiễn.
PLO5	Giao tiếp & Hội nhập: Sử dụng các hình thức giao tiếp phù hợp và thực hiện kỹ năng điều phối để làm việc trong môi trường liên ngành.
PLO 6	Công nghệ & Chuyển đổi số: Tích hợp các công cụ phần mềm chuyên ngành trong thu thập, xử lý và trực quan hóa dữ liệu phục vụ thiết kế Kiến trúc

PLO 7	Tổ chức và quản lý công việc: Thực hiện kỹ năng lập kế hoạch, kiểm tra, đánh giá, giám sát, quản lý và sử dụng các nguồn lực hiệu quả, có kỹ năng phối hợp liên ngành trong triển khai các dự án thiết kế Kiến trúc
PLO8	Tư duy phản biện: Phân tích và giải quyết các vấn đề chuyên môn dựa trên tư duy phản biện và tiếp cận đa ngành.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm:	
PLO 9	Đạo đức & Trách nhiệm: Thể hiện đạo đức nghề nghiệp, tuân thủ pháp luật và trách nhiệm xã hội.
PLO 10	Tự học & Thích ứng: Thể hiện tinh thần trách nhiệm, học tập suốt đời, khả năng làm việc nhóm, thích ứng với môi trường hành nghề chuyên nghiệp.

4.d. Những đặc điểm khác của CTĐT

i) Khả năng quốc tế hóa/toàn cầu hóa

- Chương trình đã trang bị cho sinh viên những năng lực để có thể làm việc trong môi trường đa văn hóa, đáp ứng những yêu cầu của thị trường lao động trong và ngoài nước.
- Sinh viên được học tập với những giảng viên giàu kinh nghiệm, uy tín, là những nhà nghiên cứu trong và ngoài nước. Nhà trường và Khoa cũng có những hoạt động trao đổi quốc tế để tạo ra môi trường đa văn hóa, giúp sinh viên dễ dàng hòa nhập vào môi trường nghề nghiệp quốc tế.

ii) Các vấn đề khác

- Chương trình cung cấp cơ hội học tập cho tất cả sinh viên không phân biệt quốc gia, dân tộc, giới tính, tuổi tác và người khuyết tật.
- Các môn học/học phần tự chọn được thiết kế để cung cấp cho người học cơ hội lựa chọn chuyên ngành/chuyên sâu phù hợp với sở thích, năng lực và nhu cầu xã hội.

5. Các chương trình và quy định được tham khảo

5.a. Đối sánh CTĐT với các trường trong và ngoài nước và các quy định phù hợp được tham khảo

- Khung trình độ quốc gia Việt Nam (bậc 6 - đại học).
- Đối sánh CTĐT với các trường:

  + Trong nước: Đại học Xây dựng Hà Nội & Đại học Kiến trúc TPHCM

  + Nước ngoài: Đại học Kỹ thuật TU Berlin (CHLB Đức) & Đại học Công nghệ Sydney (ÚC)

5b. Điều kiện tốt nghiệp

1. Sinh viên tích lũy đủ 160 tín chỉ theo thiết kế của CTĐT. Cụ thể, điểm bình quân tích lũy toàn khóa đạt từ 2.0 trở lên (theo thang điểm 4); có chứng chỉ giáo dục quốc phòng; có điểm đạt môn giáo dục thể chất; và thỏa mãn một số yêu cầu khác của Nhà trường (nếu có).
2. Thang xếp loại tốt nghiệp theo điểm bình quân tích lũy toàn khóa (thang điểm 4):
   - Xuất sắc: từ 3.6 đến 4.0

- Giỏi: từ 3.20 đến 3.59
- Khá: từ 2.50 đến 3.19
- Trung bình: từ 2.00 đến 2.49

6. Nội dung và tổ chức thực hiện CTĐT

6.a. Cấu trúc và kế hoạch thực hiện CTĐT

TT	Phân bổ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ					BB/TC	Điều kiện TQ	Học phần	Học phần
			(tiếng Việt)		Tổng	LT	TH	ĐA	TT			SH	HT
1	1	POL710001	Triết học Mác - Lênin	3	45	45				BB			
2	1	ITE710001	Kỹ năng số	2	60		60			BB			
3	1	ARP721110	Cơ sở kiến trúc 1	3	75	15	60			BB			
4	1	ARP721001	Vẽ mỹ thuật	2	60		60			BB			
5	2	MAT710004	Toán cao cấp	3	45	45				BB			
6	2	LAW710006	Pháp luật đại cương	2	30	30				BB			
7	2	FOS710001	Anh văn 1	3	45	45				BB			
8	2	ARP721115	Cơ sở Kiến trúc 2 + Đồ án cơ sở	4	75	45	30			BB			
9	2	ARP721014	Hình hoạ & vẽ kỹ thuật	3	45	45				BB			
10	3	POL710002	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	30	30				BB			
11	3	FOS710002	Anh văn 2	3	45	45				BB			

TT	Phân bổ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ					BB/TC	Điều kiện TQ	Học phần	Học phần
			(tiếng Việt)		Tổng	LT	TH	ĐA	TT			SH	HT
12	3	ITE710002	Khám phá AI	2	60		60			BB			
13	3	ARP721005	Lịch sử kiến trúc	4	60	60				BB			
14	3	ARP731009	Đồ án K1: nhà phố	2	45	15	30			BB			
15	4	FOS710003	Anh văn 3	3	60	30	30			BB			
16	4	ARP721006	Cấu tạo kiến trúc	3	45	45				BB			
17	4	ARP721011	Công nghệ số trong kiến trúc	3	60	30	30			BB			
18	4	ARP721010	Lý thuyết thiết kế nhà ở và CTCC	3	45	45				BB			
19	4	ARP731010	Đồ án K2: biệt thự + triển khai kỹ thuật	3	60	30	30			BB			
20	5	POL710003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	30				BB			
21	5	FOS710004	Anh văn 4	3	60	30	30			BB			
22	5	ARP721008	Môi trường khí hậu và mô phỏng năng lượng công trình	3	60	30	30			BB			
23	5	ARP731011	Đồ án K3: trường học + mô phỏng năng lượng	3	60	30	30			BB			
24	6	POL710004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	30				BB			

TT	Phân bổ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ					BB/TC	Điều kiện TQ	Học phần	Học phần
			(tiếng Việt)		Tổng	LT	TH	ĐA	TT			SH	HT
25	6	POL710005	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	30				BB			
26	6	FOS710005	Anh văn 5	3	60	30	30			BB			
27	6	ARP721012	Thiết kế nội thất nhà ở và CTCC	3	45	45				BB			
28	6	ARP731012	Đồ án K4: nhà ở tổ hợp + nội thất nhà ở	3	60	30	30			BB			
29	6	ARP721019	Đồ án thiết kế nhanh 1	1	30		30			BB			
30	7	ARP721009	Hệ thống kỹ thuật đô thị và công trình	3	45	45				BB			
31	7	ARP721014	BIM trong thiết kế và quản lý dự án kiến trúc	2	45	15	30			BB			
32	7	BCE721020	Cơ học Công trình	2	30	30				BB			
33	7	ARP731013	Đồ án K5: công trình văn hóa + nội thất CTCC	3	60	30	30			BB			
34	8	JMC710005	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30	30				BB			
35	9	BCE721021	Kết cấu công trình	3	45	45				BB			
36	9	ARP731001	Minh triết Phương Đông trong quy hoạch đô thị và kiến trúc	2	30	30				BB			

TT	Phân bổ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ					BB/TC	Điều kiện TQ	Học phần	Học phần
			(tiếng Việt)		Tổng	LT	TH	ĐA	TT			SH	HT
37	9	ARP721015	Văn hóa Kiến trúc và Xã hội học đô thị	2	30	30				BB			
38	9	ARP721016	Vật liệu hoàn thiện kiến trúc	3	45	45				BB			
39	9	ARP731014	Đồ án K6: công trình thương mại + vật liệu hoàn thiện	3	60	30	30			BB			
40	10	ARP731002	Cảnh quan trong kiến trúc	2	30	30				BB			
41	10	CMA721005	Kinh tế trong hoạt động xây dựng	2	30	30				BB			
42	10	ARP721017	Quy hoạch và thiết kế đô thị	3	45	45				BB			
43	10	ARP731015	Đồ án QH: khu đô thị mới + cảnh quan	3	60	30	30			BB			
44	10	ARP721020	Đồ án thiết kế nhanh 2	1	30		30			BB			
45	11	ARP732006	Quản lý và phát triển dự án đầu tư	3	45	45				BB			
46	11	CMA731002	Pháp luật trong lĩnh vực xây dựng	2	30	30				BB			
47	11	ARP721018	Phát triển bền vững đô thị và kiến trúc	2	30	30				BB			
48	11	ARP731016	Đồ án chuyên sâu 1: Trẻ hóa đô thị + dự án phát triển	3	60	30	30			BB			

TT	Phân bổ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ					BB/TC	Điều kiện TQ	Học phần	Học phần
			(tiếng Việt)		Tổng	LT	TH	ĐA	TT			SH	HT
49	11	ARP721026	Công trình kỹ thuật đô thị	2	30	30				TC			
50	11	ARP721013	Design kiến trúc	2	30	30				BB			
51	11	ARP721024	Điêu khắc	2	30	30				TC			
52	11	ARP721022	Phân tích cấu trúc không gian đô thị	2	30	30				BB			
53	11	ARP721025	Quản lý hồ sơ số và thiết lập Portfolio	2	30	30				TC			
54	11	ARP731004	Tiếng Anh chuyên ngành	2	30	30				TC			
55	12	ARP710001	Khởi nghiệp và truyền thông kiến trúc	2	30	30				BB			
56	12	ARP731035	Bảo tồn di sản trong phát triển đô thị	3	45	45				BB			
57	12	ARP731017	Đồ án chuyên sâu 2: Làng ven đô với đô thị hóa	3	60	30	30			BB			
58	12	ARP731008	Cảnh quan Nội thất (Plantscaping)	2	30	30				TC			
59	12	ARP732035	Chuyển đổi số PropTech	2	30	30				BB			
60	12	ARP731006	Công thái học Ergonomy	2	30	30				TC			

TT	Phân bổ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ					BB/TC	Điều kiện TQ	Học phần	Học phần
			(tiếng Việt)		Tổng	LT	TH	ĐA	TT			SH	HT
61	13	ARP731018	Đồ án chuyên sâu 3: Phát triển thích ứng không gian	3	60	30	30			BB			
62	13	ARP721021	Đồ án thiết kế nhanh 3	1	30		30			BB			
63	13	ARP724001	Thực hành nghề nghiệp	6	165	15			150	BB			
64	14	ARP725001	Đồ án tốt nghiệp	12	180	5	175			BB			

6.b. Mô tả vắn tắt nội dung các học phần

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung
1	Triết học Mác - Lênin	3	Trang bị kiến thức khái quát về triết học, triết học Mác – Lênin và vai trò của nó trong đời sống xã hội; nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử để xác lập thế giới quan và phương pháp luận khoa học.
2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	Trang bị nội dung cốt lõi về hàng hóa, thị trường; sản xuất giá trị thặng dư; cạnh tranh và độc quyền; kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập kinh tế quốc tế tại Việt Nam.
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Cung cấp kiến thức hệ thống về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, chủ nghĩa xã hội, thời kỳ quá độ, dân chủ XHCN và các vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình.
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Trang bị kiến thức hệ thống về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; hệ thống quan điểm về những vấn đề lớn của cách mạng Việt Nam.
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Trang bị kiến thức về sự ra đời và quá trình lãnh đạo của Đảng từ năm 1930 đến nay; tổng kết thành tựu và bài học kinh nghiệm qua các thời kỳ lịch sử.
6	Toán cao cấp	3	Cung cấp công cụ toán học để hiểu và ứng dụng trong việc giải quyết các vấn đề thực tế trong lĩnh vực Kỹ thuật Kiến trúc.

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung
7	Pháp luật đại cương	2	Trang bị kiến thức về Nhà nước và Pháp luật; các ngành luật quan trọng như Hiến pháp, Hành chính, Hình sự, Dân sự... để quản lý xã hội và bảo vệ quyền lợi hợp pháp.
8	Anh văn 1	3	Tiếng Anh cơ bản gồm các nội dung: - Từ vựng: Số đếm, số thứ tự, thứ, ngày, tháng, tên quốc gia, quốc tịch, các đồ vật thông dụng, gia đình, công việc/nghề nghiệp, hoạt động hàng ngày, thời gian rảnh rỗi. - Ngữ pháp: Đại từ nhân xưng, động từ To be, Đại từ chỉ định (this/that/these/those), Sở hữu cách, Thì Hiện tại đơn (với động từ thường và be), Trật tự tính từ, Trạng từ chỉ tần suất. - Phát âm: Nguyên âm đơn, nguyên âm đôi, phụ âm cơ bản, trọng âm từ đơn giản, cách phát âm đuôi -s/-es.
9	Anh văn 2	3	Tiếng Anh cơ bản gồm các nội dung: - Từ vựng: Thời tiết, khí hậu, các mùa trong năm, kỳ nghỉ, thể thao, mua sắm, các món ăn/thực phẩm, chăm sóc sức khỏe, giới từ chỉ địa điểm/thời gian. - Ngữ pháp: Thì Quá khứ đơn (động từ có quy tắc và bất quy tắc), Thì Hiện tại tiếp diễn, Thì Hiện tại hoàn thành (mức độ sơ cấp), Cấu trúc so sánh hơn và so sánh nhất, Các cấu trúc nhấn mạnh và diễn đạt tương lai đơn giản (be going to). - Phát âm: Phát âm đuôi -ed, nhịp điệu câu, dạng yếu của từ, phân biệt các cặp âm dễ nhầm lẫn.
10	Anh văn 3	3	Tiếng Anh cơ bản gồm các nội dung: - Từ vựng: Miêu tả người (ngoại hình, tính cách), các mối quan hệ, nhà cửa và đồ đạc, công việc và học tập, các môn học, trạng từ chỉ cách thức, cụm tính từ + giới từ, sự giống và khác nhau, say vs tell. - Ngữ pháp: Ôn tập & nâng cao các thì Hiện tại đơn, Hiện tại tiếp diễn, Quá khứ đơn, Quá khứ tiếp diễn; Cấu trúc động từ (verb patterns); Động từ khuyết thiếu cơ bản (have to, must, should); Trật tự từ trong câu hỏi. - Phát âm: Dạng yếu của "to", từ nối, đuôi "ing", chữ cái "o", "th", "i", trọng âm câu và từ.
11	Anh văn 4	3	Tiếng Anh cơ bản gồm các nội dung: - Từ vựng: Động vật, thể thao, con người trên thế giới, các dạng thức của động từ, các động từ dễ gây nhầm lẫn, cụm động từ (phrasal verbs), cách thành lập danh từ, động từ cụm và chuyển động. - Ngữ pháp: Câu điều kiện loại 1 và loại 2; Đại từ sở hữu; Thì Quá khứ hoàn thành; Diễn đạt sự chuyển động; Trật tự từ trong cụm động từ; Câu bị động; Cấu trúc used to; Cấu trúc đảo ngữ với so / neither; Câu tường thuật và câu hỏi với trợ động từ. - Phát âm: Phân biệt cặp nguyên âm ngắn/dài, từ đồng âm, đọc to có nhịp điệu, phụ âm tròn môi, nguyên âm đôi, phụ âm kép, ngữ điệu từ để hỏi.
12	Anh văn 5	3	Tiếng Anh cơ bản gồm các nội dung: - Từ vựng: Đồ ăn & cách nấu nướng, tiền tệ, giao thông, ngôn ngữ điện thoại, phim ảnh, các bộ phận cơ thể; cụm động từ nâng cao, liên kết động từ + giới từ, tính từ + giới từ, phân biệt tính từ đuôi -ing & -ed.

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung
			- Ngữ pháp: Động từ chỉ hoạt động vs Động từ trạng thái (action & state verbs); Sử dụng nâng cao mạo từ (a/an, the, zero article); Động từ khuyết thiếu chỉ sự phán đoán/khả năng (must, can, could, might...); Thể bị động nâng cao; Ôn tập và củng cố toàn diện hệ thống các thì. - Phát âm: Phân biệt các âm phụ âm và nguyên âm; khái niệm âm câm; các hình thái phát âm và nối âm nâng cao.
13	Kỹ năng số	2	Trang bị kiến thức nền tảng về máy tính, hệ điều hành, mạng Internet và ứng dụng công nghệ thông tin trong học tập, nghiên cứu. Sinh viên được rèn luyện kỹ năng sử dụng thành thạo các công cụ văn phòng (Word, Excel, PowerPoint) cùng các ứng dụng lưu trữ, làm việc nhóm trực tuyến. Học phần hướng dẫn cách tìm kiếm, đánh giá, quản lý dữ liệu an toàn và khai thác hiệu quả các công cụ trí tuệ nhân tạo (AI) phục vụ công việc. Bên cạnh đó, môn học nâng cao nhận thức về an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân, quyền riêng tư và tuân thủ đạo đức, pháp luật trên môi trường số. Cuối cùng, sinh viên được trang bị tư duy công nghệ và năng lực tự học để thích ứng tốt với sự phát triển liên tục của chuyển đổi số.
14	Khám phá AI	2	Cung cấp kiến thức nền tảng về lịch sử, nguyên lý hoạt động cơ bản của Trí tuệ nhân tạo (AI), Học máy (Machine Learning) và AI tạo sinh (Generative AI). Sinh viên được thực hành ứng dụng các công cụ AI phổ biến để xử lý văn bản, tạo dựng hình ảnh, phân tích dữ liệu và tối ưu hóa quy trình học tập, làm việc. Đồng thời, học phần giúp nâng cao nhận thức về đạo đức AI, tính trung thực học thuật, bản quyền và các rủi ro tiềm ẩn khi sử dụng công nghệ trong đời sống số.
15	Cơ sở kiến trúc 1	3	Cung cấp khái niệm về phương pháp thể hiện kiến trúc, rèn luyện kỹ năng vẽ nét, vẽ bóng, màu, chì, mực nho và cách làm mô hình kiến trúc.
16	Cơ sở Kiến trúc 2 + Đồ án cơ sở	4	Bao gồm Kiến trúc nhập môn, Nguyên lý sáng tác và Cơ sở tạo hình; thực hiện đồ án thiết kế quán hoa, quán sách hoặc chòi nghỉ.
17	Vẽ mỹ thuật	2	Trang bị khả năng quan sát và kỹ năng vẽ theo mẫu (tĩnh vật, tượng, phong cảnh) bằng bút chì, màu nước... để tìm thấy cái đẹp trong sự vật.
18	Hình hoạ & vẽ kỹ thuật	3	Cung cấp phương pháp thành lập bản vẽ thẳng góc, biểu diễn vật thể 3 chiều lên mặt phẳng để phục vụ các môn học kỹ thuật.
19	Lịch sử kiến trúc	4	Cung cấp kiến thức về sự phát triển của các phong cách, loại hình và công trình kiến trúc qua các thời kỳ lịch sử từ cổ đại đến hiện đại. Môn học giúp phân tích mối liên hệ giữa kiến trúc với bối cảnh văn hóa, xã hội, tôn giáo, kinh tế và sự tiến bộ của kỹ thuật xây dựng qua từng giai đoạn. Sinh viên được trang bị tư duy thẩm mỹ, khả năng cảm thụ không gian và phương pháp phân tích, đánh giá các giá trị di sản kiến trúc nhân loại. Đây là nền tảng tri thức quan trọng giúp định hình tư duy sáng tác, kế thừa và phát triển các ý tưởng thiết kế kiến trúc đương đại. Qua đó, học phần rèn luyện khả năng ứng dụng các bài học lịch sử vào việc giải quyết các bài toán thiết kế thực tế và bảo tồn di sản.

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung
20	Cấu tạo kiến trúc	3	Tranh bị kiến thức cơ bản về các bộ phận công trình như móng, khung, sàn, tường, mái, cầu thang... để người học có thể đọc hiểu và tự thiết kế kỹ thuật công trình hoàn chỉnh.
21	Môi trường khí hậu và mô phỏng năng lượng công trình	3	Cung cấp kiến thức về môi trường tiện nghi (nhiệt, âm, sáng) bên trong công trình dựa trên các yếu tố khí hậu và vật lý kiến trúc.
22	Hệ thống kỹ thuật đô thị và công trình	3	Trang bị kiến thức về quy hoạch và thiết kế các hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị như cấp thoát nước, cấp điện, giao thông, vệ sinh môi trường và thông tin liên lạc. Học phần giúp sinh viên hiểu rõ nguyên lý vận hành, tích hợp hạ tầng vào không gian kiến trúc - đô thị nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững và an toàn cho công trình.
23	Công nghệ số trong kiến trúc	3	Trang bị kỹ năng sử dụng các phần mềm đồ họa, dựng hình 2D/3D (như AutoCAD, SketchUp, Revit, Rhino) và ứng dụng công nghệ BIM, AI trong thiết kế. Qua đó, sinh viên tối ưu hóa quy trình mô phỏng không gian, tính toán kỹ thuật và thể hiện đồ án kiến trúc một cách chuyên nghiệp.
24	BIM trong thiết kế và quản lý dự án kiến trúc	2	Cung cấp kiến thức về Mô hình thông tin công trình (BIM), quy trình ứng dụng, quản lý dữ liệu tập trung và triển khai dự án trực quan, giảm thiểu rủi ro.
25	Cơ học Công trình	2	Cung cấp kiến thức cơ bản để giải các bài toán liên quan đến hệ thanh, tính toán sức bền vật liệu và kết cấu.
26	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	Trang bị tư duy logic, quy trình thực hiện một nghiên cứu khoa học từ xác định vấn đề, tổng quan tài liệu đến lựa chọn phương pháp nghiên cứu. Sinh viên được rèn luyện kỹ năng thu thập, xử lý dữ liệu, trích dẫn tài liệu chuẩn xác và trình bày báo cáo/đồ án khoa học một cách chuyên nghiệp.
27	Kết cấu công trình	3	Gồm các nội dung cơ bản về Kết cấu Bê tông cốt thép và Kết cấu thép (nguyên lý tính toán, cấu tạo các cấu kiện uốn, nén, dầm, cột).
28	Minh triết Phương Đông trong quy hoạch đô thị và kiến trúc	2	Môn học trang bị kiến thức về các triết lý Phương Đông như Phong thủy, Âm Dương - Ngũ Hành và Kinh Dịch trong việc lựa chọn thế đất, tổ chức không gian và định hướng công trình. Học phần giúp sinh viên ứng dụng sự hài hòa giữa con người, kiến trúc và thiên nhiên vào quy hoạch đô thị bền vững và thiết kế đương đại.
29	Văn hóa Kiến trúc và Xã hội học đô thị	2	Trang bị kiến thức liên quan tới mối quan hệ tương tác giữa không gian kiến trúc với các giá trị văn hóa, lối sống và cấu trúc cộng đồng, giúp thiết kế đáp ứng đúng nhu cầu xã hội.
30	Vật liệu hoàn thiện kiến trúc	3	Cung cấp kiến thức về đặc tính, tính thẩm mỹ, công nghệ thi công và xu hướng ứng dụng của các dòng vật liệu hoàn thiện công trình kiến trúc, giúp hiện thực hóa ý tưởng thiết kế và tối ưu hóa độ bền công trình
31	Cảnh quan trong kiến trúc	2	Giúp nhận diện, giải mã và nắm vững cơ sở nghệ thuật bố cục, quy hoạch và thiết kế cảnh quan trong các đồ án quy hoạch chi tiết đô thị.
32	Kinh tế trong hoạt động xây dựng	2	Cung cấp kiến thức về quản lý đầu tư, vốn, lao động, giá thành và chi phí trong doanh nghiệp tư vấn và xây lắp.

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung
33	Quy hoạch và thiết kế đô thị	3	Trang bị kiến thức về tổ chức không gian, phân khu chức năng và thiết kế cảnh quan nhằm tạo dựng môi trường sống đô thị hài hòa, tiện nghi. Học phần giúp sinh viên kết nối công trình kiến trúc đơn lẻ với tổng thể quy hoạch chung và định hướng phát triển bền vững.
34	Quản lý và phát triển dự án đầu tư	3	Cung cấp quy trình lập, đánh giá hiệu quả tài chính và quản lý tiến độ, rủi ro của các dự án đầu tư xây dựng. Sinh viên nắm vững các quy định pháp lý, cách tối ưu hóa chi phí và phối hợp các nguồn lực để triển khai dự án thành công.
35	Khởi nghiệp và truyền thông kiến trúc	2	Rèn luyện tư duy kinh doanh, xây dựng thương hiệu cá nhân/studio và kỹ năng truyền thông sản phẩm thiết kế đến khách hàng, cộng đồng. Môn học giúp sinh viên nắm bắt thị trường, tìm kiếm cơ hội khởi nghiệp và quảng bá giải pháp kiến trúc một cách hiệu quả.
36	Lý thuyết thiết kế nhà ở và CTCC	3	Cung cấp cơ sở khoa học, đặc điểm công năng và giải pháp tổ hợp không gian cho các loại hình nhà ở và công trình công cộng hiện đại.
37	Thiết kế nội thất nhà ở và CTCC	3	Áp dụng mỹ học, văn hóa và bố cục tạo hình để thiết kế không gian, lựa chọn vật liệu, màu sắc và ánh sáng cho nội thất nhà ở và công trình công cộng.
38	Bảo tồn di sản trong phát triển đô thị	3	Trang bị về các nguyên tắc, phương pháp và chính sách bảo tồn các giá trị di sản văn hóa, lịch sử và kiến trúc trong bối cảnh đô thị hóa nhanh chóng. Học phần giúp sinh viên giải quyết mâu thuẫn giữa việc giữ gìn bản sắc đô thị cũ và đáp ứng nhu cầu phát triển, hiện đại hóa hạ tầng mới. Qua đó, sinh viên có tư duy quy hoạch bền vững, biến di sản thành nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội thay vì là rào cản đô thị.
39	Pháp luật trong lĩnh vực xây dựng	2	Trang bị hệ thống quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật và các quy định về thủ tục cấp phép, hợp đồng, đấu thầu trong đầu tư xây dựng. Môn học giúp kiến trúc sư đảm bảo tính pháp lý, hạn chế rủi ro và tuân thủ đúng quy định Nhà nước trong suốt quá trình hành nghề.
40	Phát triển bền vững đô thị và kiến trúc	2	Cung cấp các nguyên lý thiết kế xanh, tiết kiệm năng lượng, ứng phó biến đổi khí hậu và tối ưu hóa sử dụng tài nguyên thiên nhiên. Học phần giúp sinh viên tạo ra các giải pháp kiến trúc và quy hoạch cân bằng giữa lợi ích kinh tế, bảo vệ môi trường và phúc lợi cộng đồng.
41	Đồ án K1 : nhà phố	2	Thiết kế công trình nhà phố nhỏ đơn lẻ; đánh giá hiện trạng, tổ chức chức năng và hình khối phù hợp với nhu cầu sống của con người trong đô thị.
42	Đồ án K2: biệt thự + triển khai kỹ thuật	3	Thiết kế công trình biệt thự; nghiên cứu sâu về tổ hợp không gian và triển khai các bản vẽ kỹ thuật chi tiết.
43	Đồ án K3: trường học + mô phỏng năng lượng	3	Thiết kế trường tiểu học hoặc mầm non; chú trọng sự kết nối chức năng phục vụ học tập và ứng dụng mô phỏng tiện nghi sinh khí hậu.
44	Đồ án K4: nhà ở tổ hợp + nội thất nhà ở	3	Thiết kế nhà ở chung cư cao tầng; giải quyết bài toán chất lượng cuộc sống trong tổ hợp không gian lớn và thiết kế nội thất căn hộ.

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung
45	Đồ án K5: công trình văn hóa + nội thất CTCC	3	Thiết kế công trình văn hóa (như bảo tàng); chú trọng thẩm mỹ hình khối và không gian trưng bày nội thất chuyên dụng.
46	Đồ án K6: công trình thương mại + vật liệu hoàn thiện	3	Thiết kế khách sạn hoặc khu thương mại - nghỉ dưỡng; tích hợp giải pháp vật liệu hoàn thiện mặt đứng hiện đại.
47	Đồ án QH: khu đô thị mới + cảnh quan	3	Thực hành quy hoạch phân khu/chi tiết cho một khu đô thị mới, kết hợp tổ chức không gian cảnh quan, hạ tầng kỹ thuật và các tiện ích công cộng hài hòa. Đồ án giúp sinh viên làm quen với quy trình thiết kế đô thị đồng bộ,
48	Đồ án chuyên sâu 1: Trẻ hóa đô thị + dự án phát triển	3	Tái thiết, cải tạo các khu vực đô thị cũ/suy thoái bằng cách đề xuất công năng mới, nâng cấp hạ tầng và gắn liền với dự án phát triển thực tế. Đồ án rèn luyện khả năng hồi sinh không gian đô thị, tạo giá trị kinh tế - xã hội mới mà vẫn giữ gìn cấu trúc văn hóa vốn có.
49	Đồ án chuyên sâu 2: Làng ven đô với đô thị hóa	3	Nghiên cứu và đề xuất giải pháp quy hoạch - kiến trúc cho các làng xã vùng ven đang chịu áp lực đô thị hóa nhanh chóng. Đồ án giúp cân bằng giữa phát triển hạ tầng hiện đại với việc giữ gìn bản sắc làng quê, không gian xanh và lối sống cộng đồng truyền thống.
50	Đồ án chuyên sâu 3: Phát triển thích ứng không gian	3	Thiết kế các giải pháp không gian kiến trúc - đô thị có khả năng biến đổi, thích ứng linh hoạt với biến đổi khí hậu, thiên tai hoặc biến động kinh tế - xã hội. Đồ án trang bị tư duy quy hoạch động, tối ưu hóa việc sử dụng tài nguyên và nâng cao tính tự phục hồi (resilience) cho đô thị.
51	Đồ án thiết kế nhanh 1	1	Rèn luyện phương pháp thiết kế, tư duy sáng tác và khả năng chuyển đổi ý tưởng thành phương án kiến trúc dưới áp lực thời gian – chủ đề 1 giành cho sinh viên năm 2
52	Đồ án thiết kế nhanh 2	1	Rèn luyện phương pháp thiết kế, tư duy sáng tác và khả năng chuyển đổi ý tưởng thành phương án kiến trúc dưới áp lực thời gian – chủ đề 2 giành cho sinh viên năm 3
53	Đồ án thiết kế nhanh 3	1	Rèn luyện phương pháp thiết kế, tư duy sáng tác và khả năng chuyển đổi ý tưởng thành phương án kiến trúc dưới áp lực thời gian – chủ đề 3 giành cho sinh viên năm 4
54	Công trình kỹ thuật đô thị	0	Nghiên cứu quy hoạch và thiết kế các hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị như giao thông, cấp thoát nước, năng lượng và vệ sinh môi trường. Phân tích giải pháp kết nối đồng bộ các công trình hạ tầng nhằm đảm bảo sự vận hành an toàn, bền vững và tối ưu cho đô thị. Ứng dụng công nghệ và quy chuẩn kỹ thuật vào việc quản lý, cải tạo và phát triển hạ tầng đáp ứng nhu cầu đô thị hóa
55	Design kiến trúc	2	Cung cấp kiến thức về lịch sử phát triển Design, mối liên hệ với kiến trúc và kỹ thuật thiết kế tạo hình hình thức công trình.
56	Điêu khắc	0	Trang bị kiến thức về hình khối, tỷ lệ, chất liệu và ngôn ngữ biểu đạt không gian trong nghệ thuật tạo hình 3D (đất clay, đá, gỗ, kim loại). Sinh viên được thực hành kỹ năng phác thảo, đắp tượng, chạm khắc và ứng dụng nghệ thuật điêu khắc vào trang trí kiến trúc, cảnh quan đô thị

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung
57	Phân tích cấu trúc không gian đô thị	2	Nhận dạng và phân tích đô thị theo các lớp cấu trúc (tự nhiên, hạ tầng, cảnh quan) để định hướng giải pháp thiết kế.
58	Quản lý hồ sơ số và thiết lập Portfolio	0	Quy trình quản lý dữ liệu số khoa học; cách trình bày layout bản vẽ và tạo lập hồ sơ năng lực cá nhân/tổ chức chuyên nghiệp.
59	Tiếng Anh chuyên ngành	0	Trang bị hệ thống thuật ngữ, từ vựng chuyên sâu và mẫu câu thông dụng trong lĩnh vực kiến trúc, quy hoạch và xây dựng. Môn học giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng đọc hiểu tài liệu kỹ thuật, thuyết trình đồ án và giao tiếp hiệu quả trong môi trường làm việc quốc tế.
60	Cảnh quan Nội thất (Plantscaping)	0	Nghiên cứu phương pháp ứng dụng, sắp đặt cây xanh và các yếu tố tự nhiên vào không gian nội thất nhằm tăng tính thẩm mỹ và cải thiện chất lượng không khí. Học phần giúp sinh viên nắm vững đặc tính sinh học của cây, kỹ thuật chiếu sáng và bảo dưỡng để tạo ra môi trường sống xanh, thư thái.
61	Chuyển đổi số PropTech	2	Cung cấp kiến thức về việc ứng dụng các công nghệ hiện đại (AI, IoT, Big Data, Blockchain) vào quản lý, vận hành và kinh doanh bất động sản. Môn học giúp sinh viên hiểu rõ xu hướng công nghệ hóa ngành tài sản, tối ưu hóa trải nghiệm người dùng và nâng cao hiệu quả khai thác công trình.
62	Công thái học Ergonomy	0	Nghiên cứu mối quan hệ giữa cơ thể con người, hành vi sử dụng và không gian/trang thiết bị kiến trúc nhằm đảm bảo sự an toàn, tiện nghi và sức khỏe. Sinh viên áp dụng các thông số nhân trắc học vào thiết kế để tối ưu hóa công năng và mang lại sự thoải mái nhất cho người dùng.
63	Thực hành nghề nghiệp	6	Trải nghiệm thực tế tại các tổ chức chuyên nghiệp như công ty kiến trúc, văn phòng thiết kế hoặc ban quản lý dự án... để làm quen với môi trường hành nghề kiến trúc sư chuyên nghiệp.
64	Đồ án tốt nghiệp	12	Tổng hợp toàn bộ kiến thức để thực hiện một dự án kiến trúc hoàn chỉnh từ khảo sát, ý tưởng đến giải pháp kỹ thuật và bảo vệ trước hội đồng tốt nghiệp Kiến trúc sư

7. Chuyển ngành đào tạo và học tập suốt đời

7.a. Sinh viên trường khác, ngành khác có thể chuyển đến?	Có thể	
7.b. Sinh viên có thể chuyển đi sang học ngành khác?	Có thể	
7.c. Cơ hội học sau đại học hoặc học 2 văn bằng		
Sau khi tốt nghiệp sinh viên có thể học tiếp thạc sĩ, tiến sĩ hoặc tham gia học văn bằng thứ 2 trong cùng lĩnh vực.		

8. Chất lượng và các tiêu chuẩn

Nhà trường và Khoa cam kết xây dựng môi trường học tập chủ động, trải nghiệm thực tế và linh hoạt thay đổi phương pháp giảng dạy nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao của xã hội, đóng góp vào sự phát triển của đất nước và hòa nhập nhanh với mới trường quốc tế. Với những chính sách cụ thể như:

- Tạo ra môi trường học tập năng động, trải nghiệm thực tế, giúp người học phát huy năng lực cá nhân để có thể khởi nghiệp, học tập suốt đời;

- Tăng cường kết hợp với doanh nghiệp thực tế trong và ngoài nước để thực hiện phương thức đào tạo "Tuyển sinh – Đào tạo – Việc làm";

- Bám sát mục tiêu luôn gia tăng chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và dịch vụ cộng đồng bằng cách hiện đại hóa cơ sở vật chất, đổi mới phương pháp giảng dạy, đào tạo đội ngũ CB. GV. NV đạt tiêu chuẩn theo yêu cầu chất lượng để đảm bảo thực hiện chuẩn đầu ra đối với sinh viên;

- Phát triển mô hình giáo dục mở, xây dựng xã hội học tập dựa trên giáo dục số và Cách mạng công nghiệp 4.0;

- Gia tăng kiểm soát chất lượng toàn diện để tăng sự hài lòng của sinh viên và các bên liên quan.

9. Ngày thiết kế/rà soát Bản mô tả chương trình đào tạo

Ngày 10 Tháng 8 năm 2020

DUYỆT
HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHƯƠNG ĐÔNG

PGS. TS. Nguyễn Hữu Cương

TRƯỞNG KHOA

TS. KTS Nguyễn Quốc Tuân